TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 18-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc
Ông Võ Tấn Liêm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thu Khiếm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Bích Trâm– Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2023/QĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1958 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1950 (vắng mặt),
Chị Lưu Diệu H1, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Anh Tô Chí R, sinh năm 1969 (con bà T, vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.
2. Ông Lê Văn S (X), sinh năm 1959 (chồng bà H, có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2022 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ngày 11/4/2019 âm lịch, bà T và chị H1 (con dâu bà T) đến nhà bà H hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi Sất thỏa thuận 3%/tháng, khi vay bà Tiền và chị H1 có ký tên vào biên nhận vay tiền ngày 11/4/2019. Biên nhận vay tiền do chị H1 ghi có nhận 3 Xu nhưng bà H là người trực tiếp giao tiền cho bà T và chị H1. Sau khi vay thì bà T và chị H1 có đóng lãi được 06 tháng = 18.000.000 đồng thì ngưng không đóng lãi nữa cho đến nay, thời gian kéo dài nên bà H có yêu cầu bà T và chị H1 trả nợ vốn vay thì bà T và chị H1 có trả được 20.000.000 đồng, nên còn nợ số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Từ những lý do nêu trên nên bà Đặng Thị H yêu cầu bà Bùi Thị T và chị Lưu Diệu H1 cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H số tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), không tính lãi Sất.

Tại biên bản làm việc với chị Lưu Diệu H1 và bản tự khai của chị H1 đề ngày 22 tháng 3 năm 2023 trình bày ý kiến như sau:

Chị H1 thừa nhận có ký tên "H1" vào biên nhận vay tiền ngày 11/4/2019 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, chị thừa nhận tR ngày 11/4/2019 chị có hỏi vay tiền nhưng đến ngày 11/4/2019 thì chị H1 mới nhận của bà H với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà H là vợ của ông Ba S (Xu) nên khi viết biên nhận ghi là "có nhận 3 Xu". Sau khi vay tiền thì chị H1 có đóng lãi cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ số tiền đóng lãi cụ thể bao nhiêu nhưng sau ngày 04/12/2019 thì chị H1 có trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, nên hiện nay chị H1 còn nợ bà H số tiền 80.000.000 đồng. Nay chị H1 đồng ý liên đới cùng với bà Bùi Thị T (mẹ chồng) thanh toán cho bà Đặng Thị H số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S trình bày: Thời điểm bà H cho bà T và chị H1 vay tiền thì có mặt của ông S nên trong biên nhận vay tiền chị H1 mới ghi là có nhận 3 Xu số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Ông S thống nhất với nội dung yêu cầu trình bày trên của bà H nên không có ý kiến gì thêm.

Bị đơn bà Bùi Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô Chí R, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà T và anh R không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bà T và anh R vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Bà H và ông S vẫn bảo lưu yêu cầu như trình bày trên.

Chị H1 có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến gì thêm.

Bà T và anh R vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 48, 196 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị đơn là chị H1 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn nên Viện kiểm sát xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là chị Lưu Diệu H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Bùi Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tô Chí R hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Bùi Thị T và anh Tô Chí R là đúng với quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Đặng Thị H khởi kiện bà Bùi Thị T và chị Lưu Diệu H1 yêu cầu thanh toán số tiền vốn vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Bùi Thị T và chị Lưu Diệu H1 có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T và chị H1: Bà H yêu cầu bà T và chị H1 cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 80.000.000 đồng, lãi Sất không yêu cầu. Xét thấy, việc bà T và chị H1 có vay tiền của bà H và ông S là thực tế có xảy ra vì bà H có cung cấp biên nhận vay tiền ngày 11/4/2019, nội dung thể hiện "có nhận 3 Xu 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)". Phía bị đơn bà T Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà T không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà Hận và vắng mặt trong Sốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên được

xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đồng thời, bị đơn chị H1 đã thừa nhận tR ngày 11/4/2019 chị có hỏi vay tiền nhưng đến ngày 11/4/2019 thì chị H1 mới nhận của bà H với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà H là vợ của ông Ba S (Xu) nên khi viết biên nhận ghi là "có nhận 3 Xu". Sau khi vay tiền thì chị H1 có đóng lãi cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ số tiền đóng lãi cụ thể bao nhiêu nhưng sau ngày 04/12/2019 thì chị H1 có trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, nên hiện nay chị H1 còn nợ bà H số tiền 80.000.000 đồng. Nay chị H1 đồng ý liên đới cùng với bà Bùi Thị T (mẹ chồng) thanh toán cho bà Đặng Thị H số tiền vay còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Như vậy, có cơ sở xác định bà T và chị H1 có vay tiền của bà H và ông S với số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, sau khi vay có trả được 20.000.000 đồng và còn nợ 80.000.000 đồng nên bà H khởi kiện bà T và chị H1 là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T và chị H1 chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà T và chị H1 còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi Sất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ nên bà T và chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trên số tiền 80.000.000 đồng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Bà H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147, 264, 266, 267, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H. Buộc bà Bùi Thị T và chị Lưu Diệu H1 cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đặng Thị H số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T và chị H1 chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà T và chị H1 còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi Sất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% bà T và chị H1 phải chịu nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tạo